

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ché Thị Hồng Cẩm;

Ông Chau Rót Tha.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C1.

Trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Quốc C, sinh năm 1985, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1. Địa chỉ: đường T, khóm D, thị trấn T, huyện T, An Giang, có mặt;

Bị đơn: Trương Thanh P, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng C1 (Ngân hàng) trình bày:

Theo biên bản xét duyệt vay vốn của Ủy ban nhân dân xã L, Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 có cho ông Trương Thanh P vay vốn như sau:

Ngày 30-8-2007 ông Trương Thanh P có vay số tiền 20.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất hàng tháng 0,65%, lãi quá hạn là 130% lãi suất vay (nhưng trong bản theo dõi cho vay không để lãi quá hạn), bà T1 là người thừa kế. Tính đến nay ông P, bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 17-5-2012 đến ngày 28-9-2022 là 22.101.417 đồng, tổng vốn, lãi là 42.101.417 đồng.

Từ khi vay đến nay, ông Trương Thanh P chỉ trả được số tiền lãi 4.705.716 (từ thời điểm vay đến ngày 16/5/2012), chưa trả tiền gốc.

Do ông Trương Thanh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đồng thời ông P sử dụng vốn vay vào mục đích chăm lo cho cuộc sống gia đình nên Ngân hàng chính sách yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trương Thanh P trả số tiền vốn, lãi còn nợ 42.101.417 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 28-9-2022 đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Trương Thanh P có ý kiến trình bày:

Khoảng tháng 02-1999, ông P có vay 5.000.000 đồng của Ngân hàng C1 chi nhánh huyện T, từ năm 1999 đến năm 2009 thì không ai thu tiền lãi, khi vay cũng không có nói lãi suất là bao nhiêu chỉ biết ký vay để chăn nuôi bò.

Khoảng ngày 06 ngày 07-9-2009 thì ngân hàng chính sách vào làm việc ở trụ sở Ủy ban xã L thông báo khoản vay của ông đã quá hạn. Đến ngày 09-9-2009 thì Ngân hàng có nói là khoản vay 5.000.000 đồng của tôi do không đóng lãi nên nợ lãi và vốn đã cao, Ngân hàng đồng ý cho tôi vay 20.000.000 đồng để khấu trừ qua phần vốn và lãi 5.000.000 đồng. Khi giải ngân thì ông chỉ nhận được số tiền 190.000 đồng, số tiền còn lại là 19.810.000 đồng đã khấu trừ lại.

Khi vay ông không biết lãi suất là bao nhiêu nhưng hàng tháng ông phải trả lãi là 130.000 đồng, ông trả lãi từ khi vay đến tháng 7-2021 thì ngưng trả đến nay.

Ông không trả lãi là do khoảng năm 2017, 2018 tại B ấp G, xã L ông Đ làm ở Ngân hàng chính sách giới thiệu là có người ở Ngân hàng trung ương vào kiểm tra sổ vay và các phiếu đóng lãi thì phát hiện trong sổ vay của tôi là vay ngày 09-9-2009 còn trong máy lưu của ông Đ thì khoản vay của tôi là ngày 09-9-2007. Do đó chênh lệch 2 năm tiền lãi.

Sau đó thì ông làm việc ở Ngân hàng T4 mượn sổ vay và các phiếu đóng lãi của ông về để thẩm định lại, ông có yêu cầu lập biên bản về việc mượn sổ nhưng phía Ngân hàng không đồng ý và ông cũng đưa sổ vay và phiếu đóng

lãi của ông cho Ngân hàng mượn. Từ tháng 7-2021 đến nay không ai đến thu lãi nên ông không biết đóng cho ai.

Ông thừa nhận còn nợ ngân hàng chính sách tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (mỗi năm trả 10.000.000 đồng) và đồng ý trả lãi từ tháng 7-2021 đến ngày xét xử, còn từ tháng 7-2021 trở về trước ông đã trả lãi xong nên không đồng ý trả.

Ông xác định chữ ký trong sổ tiết kiệm và vay vốn số sổ AA4244764 , kế hoạch điều chỉnh trả nợ và sổ lưu kèm theo để theo dõi cho vay mà Ngân hàng chính sách cung cấp cho Tòa án là chữ ký của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và Viện kiểm sát trễ hạn so với quy định.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, riêng người liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa đảm bảo theo quy định, do bà T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là đảm bảo theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định ông Trương Thanh P có vay tiền tại ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30-8-2007, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay 0,65%/tháng, khi vay có bà T1 vợ ông P ký tên người thừa kế. Từ khi vay đến nay ông P chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.705.716 (từ thời điểm vay đến ngày 16-5-2012), chưa trả số tiền gốc. Số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi là từ ngày 17-5-2012 đến ngày 28-9-2022 là 22.101.417 đồng, tổng vốn, lãi là 42.101.417 đồng.

Theo giấy đề nghị vay vốn ngày 24-8-2007 thì bà Nguyễn Thị Bích T1 là người thừa kế, mặt khác ông P cũng xác định bà T1 cũng biết về khoản vay này nên Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T1 cùng trả số tiền 42.101.417 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc ông P cho rằng ông có đóng lãi cho Ngân hàng từ khi vay đến tháng 7-2021 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả lãi của mình nên không có căn cứ để xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông P, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh và biên bản sự việc ngày 24 tháng 8 năm 2022 .

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trương Thanh P vẫn giữ nguyên ý kiến và không cung cấp thêm chứng cứ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 vắng mặt không có ý kiến trình bày;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm và vay vốn cùng sổ lưu kèm theo để theo dõi cho vay (số sổ AA4764) . Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn đăng ký thường trú tại ấp G, xã L, huyện T nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T1.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng C1 cho ông P vay với hình thức là vay vốn hộ nghèo thể hiện qua sổ tiết kiệm và vay vốn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, việc vay vốn giữa Ngân hàng và ông P, bà T1 được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[3] Ông P, bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã hết thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30-8-2009. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P, bà T1 trả số nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 17-5-2012 đến ngày 28-9-2022 là 22.101.417 đồng, tổng vốn, lãi 42.101.417 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Việc ông P cho rằng đã đóng lãi đầy đủ từ khi vay đến tháng 7-2021 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cho rằng sổ vay, các phiếu đóng lãi đã bị một người của ngân hàng T4 mượn về thẩm định nhưng không biết người đó tên gì và việc mượn sổ thì có đại diện địa phương là ông Nguyễn Quốc T2 chứng kiến. Tòa án tiến hành xác minh vào ngày 24-8-2022, ông T2 xác định “*việc ông Trương Thanh P trình bày là không đúng, ông T2 không có tham gia buổi làm việc nào của Ngân hàng C1 tại Ban ấp G, xã L*”.

Ngoài ra ông P còn khai có đóng tiền lãi cho ông Lê Hoàng M và bà Lê Thị T3. Tại biên bản sự việc ngày 24-8-2022 ông M, bà T3 khẳng định không

có liên quan gì về việc thu tiền lãi vay của ông Trương Thanh P. Nên việc ông P trình bày có trả lãi đến tháng 7-2021 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông P, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được miễn tạm ứng án phí thuộc trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên không hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 đối với ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T1.

Buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C1 số tiền 42.101.417 đồng (trong đó: nợ gốc: 20.000.000 đồng; nợ lãi đến ngày 28-9-2022 là 22.101.417 đồng) và tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu 2.105.000 đồng (*hai triệu một trăm linh năm nghìn đồng*) tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

